TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 24-3-2022.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thể - Giáo viên, chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện V, tỉnh Nam Định.

Ông Trần Đình Mạnh - Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn Gôi, huyện V, tỉnh Nam Định.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Kiều TrAg - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng A, sinh ngày 09-3-2004, tại Nam Định.

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng C và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 56 ngày 03-12-2021 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Là bố đẻ của bị cáo).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; ĐKHKTT: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

+ Ông Phạm Công N, sinh năm 1960 (Là chồng bà N).

+ Ah Phạm Công N, sinh năm 1987 (Là con bà N).

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1985 (Là con bà N).

Đều ĐKHKTT tại: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, Anh N và chị N là: Ah Trần Văn K, sinh năm 1977; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Theo giấy ủy quyền lập ngày 09-12-2021).

- *Người làm chứng:*

+ Cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 07-3-2005.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q là: Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1974; cư trú tại: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Ah Phạm Công Đ, sinh năm 1982.

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1970.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo A, ông C, bà T, Anh K; vắng mặt ông N, Anh N, chị N, cháu Q, ông C, Anh Đ, bà L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Trọng A là học sinh lớp 12A5 trường THPT Nguyễn Bính, huyện V, Nam Định. Mặc dù chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định của pháp luật nhưng khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04-10-2021, sau khi tan học, bị cáo A đã điều khiển xe mô tô BKS 18Z4-7224, dung tích xi lanh 100 cm^3 chở cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 07-3-2005 ở cùng thôn (Cháu Q cũng là học sinh lớp 11A3 trường THPT Nguyễn Bính) đi từ trường THPT Nguyễn Bính để về nhà. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày thì A điều khiển xe mô tô BKS 18Z4-7224 đi về đến Km số 2, đường tỉnh lộ 486B thuộc địa phận thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Lúc này, A điều khiển xe mô tô đi ở chiều đường, phần đường bên phải hướng xã C đi xã H và đi cách vạch sơn giữa đường khoảng 01m. Cùng lúc này ở phía trước cùng chiều với xe mô tô của A điều khiển có xe máy điện BKS MĐ2-06450 do bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, trú tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định điều khiển đang đi ở phía trước và bà N đang rẽ trái sang đường để về nhà (Xe máy điện của bà N điều khiển đi ở phía trong, gần với lề đường bên phải hơn và khi rẽ bà N không có tín hiệu báo hướng rẽ). Nhưng do không chú ý quan sát ở phía trước và không đảm bảo tốc độ cũng như khoảng cách an toàn trong đoạn đường có biển báo hiệu giao thông nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên do đó A đã không phát hiện thấy tình huống xe máy điện của bà N đang rẽ trái sang đường nên A đã để cho phần đầu, bên trái của xe mô tô BKS 18Z4-7224 do mình điều khiển xô thẳng vào phần giữa, bên trái của xe máy điện BKS MĐ2-06450 do bà N điều khiển. Hậu quả làm cho cả bà N, A và cháu Q cùng 02 phương tiện đều bị đổ, ngã văng xuống đường, bà N thì bị bất tỉnh tại chỗ và bị tử vong ngay sau đó, A và cháu Q cũng bị sây sát nhẹ và 02 phương tiện cũng bị hư hỏng nhẹ.

- Về đoạn đường xảy ra vụ tai nạn nêu trên: Mặt đường trải nhựa áp phan bằng phẳng rộng 7,5m, ở giữa đường có vạch sơn màu vàng nét đứt chia đường thành hai chiều đi riêng biệt là chiều từ xã C, huyện V đi xã H, huyện V và chiều ngược lại; lề phải của đường hướng xã C đi xã H rộng 01m, ngoài lề phải là khu dân cư sinh sống và có đường rẽ vào xóm T, thôn T, xã H rộng 6,5m; lề trái của đường hướng xã H đi xã C rộng 01 m, ngoài lề trái là khu dân cư sinh sống; đoạn đường này thẳng, tầm nhìn thoáng và nằm trong hiệu lực của biển báo hiệu giao thông nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên

- Khám nghiệm hiện trường đã ghi nhận các dấu vết như sau: Khám nghiệm theo hướng xã C đi xã H lấy cột Km số 2, tỉnh lộ 486B cắm ngoài lề trái hướng xã C đi xã H làm điểm mốc và lấy mép đường bên phải hướng xã C đi xã H làm chuẩn.

+ Dải vết cày số 1 không liên tục, làm xước nhựa mặt đường hướng C đi H, dải vết cày có kích thước (11x0,75)m. Đầu dải vết cày 1 cách mép đường chuẩn là 2,5m; cuối dải vết cày trùng với đầu mút tay phanh bên trái xe máy điện BKS MĐ2-064.50 và trùng với mép đường chuẩn. Đo từ đầu dải vết cày này đến tâm lối rẽ vào xóm T, thôn T là 3,8m; đo từ đầu dải vết cày 1 đến đầu dải vết cày 2 là 3,9m (đo theo chiều xã C đi xã H).

+ Dải vết cày số 2 không liên tục, làm xước nhựa mặt đường nằm hoàn toàn ở chiều đường bên trái hướng xã C đi xã H, hướng vết từ xã C đi xã H, từ lòng đường ra mép đường trái, vết có kích thước (5,1x0,7)m. Đo từ đầu dải vết cày ra mép đường chuẩn là 5,3m. Cuối dải vết cày trùng với để chân sau bên phải xe mô tô BKS 18Z4-7224 và cách mép đường chuẩn là 5,8m;

+ Xe mô tô BKS 18Z4-7224 nhãn hiệu Honlei, sơn màu nâu đổ sang phải xe. Tâm bánh trước xe mô tô cách mép đường chuẩn là 6,4m; tâm bánh sau xe mô tô cách mép đường chuẩn là 5,5m. Đo từ tâm bánh sau xe mô tô đến tâm đám máu là 1,2m (đo theo chiều xã H đi xã C). Đo từ tâm bánh sau xe mô tô đến tâm bánh sau xe máy điện BKS MĐ2-06450 là 5,25m (đo theo chiều xã C đi xã H). Đầu xe quay ra lề trái chếch hướng xã C, đuôi xe quay ra lòng đường.

+ Đám máu không rõ hình nằm ở chiều đường bên trái hướng xã C đi xã H, đám máu có KT (0,8x0,6)m; tâm đám máu cách mép đường chuẩn là 4,5m.

+ Xe máy điện BKS MĐ2-06450, nhãn hiệu VP, sơn màu xanh, bị đổ sang bên trái xe. Đầu xe quay ra ngoài lề đường phải, đuôi xe quay ra lòng đường; bánh trước xe nằm ở lề phải và cách mép đường chuẩn là 0,3m. Tâm bánh sau xe cách mép đường chuẩn là 0,8m.

+ Tại hiện trường có nhiều mảnh nhựa vỡ nằm rải rác tại nhiều vị trí. Đo từ tâm bánh sau xe mô tô BKS 18Z4-7224 đến điểm mốc là 10,2m (đo theo chiều xã C đi xã H).

- Khám nghiệm phương tiện giao thông đã ghi nhận các dấu vết như sau:

+ Các dấu vết trên xe mô tô BKS 18Z4-7224: Mặt nạ đèn pha phía trước xe bị vỡ nứt, để lộ hệ thống dây điện; chốt hãm giá giỏ xe với càng xe trước bị bật khỏi vị trí ban đầu, làm vỡ nhựa chắn bùn KT (4x2,5)cm; đầu mỏm chắn bùn phía trước

bánh trước có vết vỡ nhựa KT (8x0,02)cm, bề mặt có vết trượt xước mài mòn hướng từ trước về sau KT (11x5)cm; mặt ngoài má lốp bánh trước bên tay ga có vết rách thủng lốp tại vị trí cách chân van 5cm theo chiều kim đồng hồ KT (3x0,05)cm; mặt trước ốc hãm càng xe, moay ơ xe có vết trượt xước mài mòn kim loại hướng từ trước về sau, từ bên cần số sang bên tay ga, bề mặt bám dính ni lông màu xanh, bụi đất KT (2,5x3)cm; mặt ngoài đầu mút càng xe (bên tay ga) có vết trượt xước mài mòn kim loại, hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính bột màu trắng KT (3x3)cm; mặt trước cánh yếm cách vị trí đuôi cánh yếm 17 cm có vết trượt xước nhựa KT (4x3)cm, bề mặt bám dính chất màu xanh.

+ Các dấu vết trên xe máy điện BKS MĐ2-064.50 sơn màu xanh tập trung bên trái xe (bên chân chống phụ): Mặt trước mỏm chắn bùn phía trước có vết trượt xước mài mòn nhựa hướng từ bên tay ga sang bên chân chống phụ KT (6,5x2,5)cm; mặt ngoài khung kim loại bảo vệ thân xe, tại vị trí cách đầu khung kim loại 23cm có vết trượt xước, mài mòn kim loại theo nhiều chiều hướng khác nhau KT (24x1)cm; chân chống phụ bị đẩy từ ngoài vào trong, vuông góc với mặt đất; ốp nhựa thân xe phía dưới để chân người ngồi sau bị vỡ, để lộ khoảng trống KT (15x10)cm; gá để chân người ngồi sau bị gãy, đẩy từ sau về trước, từ trái sang phải; khung kim loại bảo vệ thân xe tại vị trí cách ốc hãm giảm xóc bánh sau 31cm bị gãy rời thành hai đoạn, đầu mỗi đoạn được quấn băng dính ni lông màu xanh, đoạn gãy phía đầu xe bị bẹp méo biến dạng, đẩy từ sau về trước, từ trái sang phải sát vào thân xe.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1311/GĐKTHS ngày 10-10-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Nam Định kết luận: Nguyên nhân bà Nguyễn Thị N chết là do chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ; cơ chế: Vùng đầu do va đập, các tổn thương khác trên cơ thể do va đập và trà sát.

Tại công văn trả lời số 01/GĐ ngày 19-01-2021 của Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông Nam Định kết luận: Dung tích xi lanh động cơ lắp trên xe mô tô BKS 18Z4-7224 là 100 cm^3 đúng như trong đăng ký.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện V đã tạm giữ 01 chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224 cùng đăng ký của xe và 01 chiếc xe máy điện BKS MĐ2-06450 cùng đăng ký của xe. Ngày 19-01-2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224 cùng đăng ký của xe cho ông Nguyễn Trọng C là chủ sở hữu hợp pháp và trả lại chiếc xe máy điện BKS MĐ2-06450 cùng đăng ký của xe cho anh Trần Văn K là người đại diện theo uỷ quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 19-10-2021, bị cáo A và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 130.000.000 đồng, người đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền nêu trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào nữa, đồng thời có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện V, bị cáo Nguyễn Trọng A đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên

Cáo trạng số 14/CT-VKSVB ngày 21-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng A về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo Nguyễn Trọng A và đánh giá tính chất, mức độ, hậu qủa của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng A phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

+ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng A từ 27 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra các bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Nên, không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Trọng A đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo, ông Nguyễn Trọng C trình bày: Ông là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô xe mô tô BKS 18Z4-7224, chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224 gia đình ông ít khi sử dụng đến nên thường để ở nhà, chiều ngày 04-10-2021 bị cáo A đã tự ý lấy chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224 sử dụng làm phương tiện đi học rồi đến chiều tối sau khi tan học trên đường điều khiển xe đi về nhà bị cáo đã gây ra vụ tai nạn làm cho bà N bị tử vong là đúng; việc bị cáo A sử dụng chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224 để đi học là bị cáo tự ý lấy đi chứ gia đình ông không có ai giao xe cho bị cáo, khi bị cáo lấy xe đi thì gia đình ông không có ai ở nhà nên không có ai biết, nay gia đình ông đã được nhận lại chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224 rồi nên ông không có yêu cầu, đề nghị gì về chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224; ngoài ra ông còn trình bày ngay sau khi bà N bị tử vong thì gia đình ông đã đến thăm hỏi, động viên gia đình bà N và gia đình ông đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà N tổng số tiền là 130.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; về số tiền gia đình ông đã bồi

thường cho gia đình bà N thì ông không có yêu cầu, đề nghị gì, ông chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ở môi trường ngoài xã hội để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tiếp tục học tập.

- Người bào chữa cho bị cáo, bà Trần Thị T trình bày lời bào chữa cho bị cáo đã hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội cũng như sự đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V và bà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tiếp tục lao động, học tập.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại, Anh Trần Văn K trình bày: Sau khi bà N bị tử vong, bị cáo và gia đình bị cáo đã đến thăm hỏi, động viên gia đình bà N và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bà N tổng số tiền là 130.000.000 đồng rồi vì vậy nay anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho gia đình bà N thêm khoản gì nữa, đồng thời anh còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ở môi trường ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trọng A tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ những lời khai của bị cáo, của người làm chứng tại cơ quan điều tra và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án cũng như các vật chứng đã thu giữ. Nên, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 04-10-2021, bị cáo Nguyễn Trọng A không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo đã điều khiển xe mô tô BKS 18Z4-7224, dung tích xi lanh 100cm^3 chở cháu Nguyễn Đình Q ngồi ở phía sau đi tại Km số 2, đường tỉnh lộ 486B thuộc địa phận thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định và cùng lúc này ở ngay phía trước cùng chiều với xe mô tô bị cáo điều khiển có xe máy điện BKS MĐ2-

06450 do bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, trú tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định điều khiển cũng đang rẽ trái sang đường để về nhà nhưng bị cáo lại không chú ý quan sát ở phía trước và không tuân thủ quy định về tốc độ cũng như khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình ở trong đoạn đường có biển báo hiệu nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên nên khi xe mô tô do bị cáo điều khiển đi đến gần sát vị trí xe máy điện do bà N điều khiển thì bị cáo đã không làm chủ được tay lái và bị cáo đã để cho phần đầu, bên trái của xe mô tô mình điều khiển xô thẳng vào phần giữa, bên trái của xe máy điện do bà N điều khiển làm cho cả bà N, bị cáo, cháu Q và 02 phương tiện đều bị đổ, ngã văng xuống đường. Hậu quả làm cho bà N bị bất tỉnh tại chỗ và bị tử vong ngay sau đó.

Xét hành vi mà bị cáo đã thực hiện nêu trên đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 58 của Luật Giao thông đường bộ và vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ Giao thông vận tải. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với hành vi phạm tội bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ, gây lên một tư tưởng hoang mang, lo lắng cho những người khi tham gia giao thông đường bộ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông tại địa phương; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự nhưng khi tham gia giao thông, bị cáo lại không chấp hành đúng quy tắc giao thông đường bộ nên đã vô ý gây ra vụ tai nạn giao thông, dẫn đến hậu quả làm cho bà Nguyễn Thị N bị tử vong. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Xét thấy trước lần phạm tội này bị cáo chưa có vi phạm pháp luật gì, lần phạm tội này là lần đầu.

- Về tình tiết tăng nặng: Xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy sau khi phạm tội bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho gia đình người bị hại để khắc phục hậu quả và tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra người đại diện hợp pháp của người bị hại

cũng như người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận. Nên, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Nhưng xét thấy khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, bị cáo phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo được nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Xét thấy trong giai đoạn điều tra các bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại và cho đến nay cũng không có ai có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với việc bà Nguyễn Thị N điều khiển xe máy điện BKS MĐ2-06450 tham gia giao thông khi chuyển hướng rẽ trái sang đường nhưng bà N không có tín hiệu báo hướng rẽ là vi phạm quy tắc giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Giao thông đường bộ.

[8]. Đối với ông Nguyễn Trọng C là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7224. Nhưng khi bị cáo lấy chiếc xe mô tô này để đi học thì ông C không biết. Nên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện V đã không xem xét xử lý gì đối với ông C, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng A phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng A 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng A cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAD tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công A huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân